Người ký: Ủy ban nhân dân huyện Minh Long
Email: minhlong@quangngai.gov.vn
Cơ quan: Tỉnh Quảng Ngãi
Thời gian ký: 10.06.2022 15:30:54 +07:00

ỦY BAN NHÂN DÂN **HUYỆN MINH LONG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: 211 /BC-UBND	*Minh Long, ngày 09 tháng 6 năm 2022*

BÁO CÁO

V/v báo cáo tình hình bố trí kinh phí cho giáo dục theo yêu cầu Nghị quyết số 41/2021/QH15 ngày 13/11/2021 của Quốc hội

Thực hiện Công văn số 870/SGD ĐT- KHTC ngày 16/5/2022 về việc báo cáo tình hình bố trí kinh phí cho giáo dục theo yêu cầu Nghị quyết số 41/2021/QH15 ngày 13/11/2021 của Quốc hội, Ủy ban nhân dân huyện Minh Long báo cáo như sau:

Trong thời gian qua, Ủy ban nhân dân huyện đã bố trí đảm bảo kinh phí để thực hiện các chương trình, dự án, đề án đã được Quốc hội, Chính phủ phê duyệt; các chế độ, chính sách cho học sinh vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi, Các Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021 - 2030; Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2021 - 2025; Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững giai đoạn 2021 - 2025.

Chỉ đạo thực hiện các nhiệm vụ về đổi mới căn bản, toàn diện giáo dục và đào tạo theo Nghị quyết số 29-NQ/TW ngày 04/11/2013 về đổi mới căn bàn, toàn diện giáo dục và đào tạo, đáp ứng yêu cầu công nghiệp hóa, hiện đại hóa trong điều kiện kinh tế thị trường định hướng XHCN như triển khai chương trình, SGK giáo dục phô thông mới; đào tạo, bồi dường giáo viên, cán bộ quản lý giáo dục.

1. Tình hình bố trí kinh phí thực hiện các chế độ, chính sách cho học sinh, sinh viên năm 2022, như sau:

- Chính sách hỗ trợ tiền ăn trưa đối với trẻ em mẫu giáo và chính sách đối với giáo viên mầm non theo Nghị định số 105/2020/NĐ-CP ngày 08/9/2020 của Chính phủ năm 2022: Kinh phí thực hiện: 1.086,08 triệu đồng, số đối tượng được hỗ trợ: 539 học sinh.

- Chính sách hỗ trợ học sinh dân tộc nội trú theo Nghị định số 84/2020/NĐ-CP ngày 17/7/2020 của Chính phủ: Kinh phí thực hiện: 3.360 triệu đồng, số đối tượng được hỗ trợ: 200 học sinh.

Chính sách miễn giảm học phí, hỗ trợ chi phí học tập, hồ trợ tiền đóng học phí đối với học sinh vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi theo Nghị định số 81/2021/NĐ-CP ngày 27/8/2021 của Chính phủ: Kinh phí thực hiện: 2.687 triệu đồng, số đối tượng được hỗ trợ 2.046 học sinh.

- Chính sách hỗ trợ cho học sinh và trường phổ thông ở xã, thôn đặc biệt khó khăn theo Nghị định số 116/2016/NĐ-CP ngày 18/7/2016 của Chính phủ: Kinh phí thực hiện: 1.968 triệu đồng, số đối tượng được hỗ trợ 285 học sinh và 34,620 tấn gạo.

2. Giải pháp sớm thu hẹp khoảng cách về giáo dục giữa thành thị và nông thôn, đặc biệt là vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi, vùng có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn.

Quan tâm đầu tư cơ sở vật chất và thiết bị dạy học; Tổ chức bán trú cho học sinh tiểu học và Trung học cơ sở trên địa bàn góp phần nâng cao chất lượng giáo dục.

Trên đây là báo cáo tình hình bố trí kinh phí cho giáo dục theo yêu cầu Nghị quyết số 41/2021/QH15 ngày 13/11/2021 của Quốc hội, UBND huyện Minh Long báo cáo quý Sở theo dõi, tổng hợp./.

Nơi nhận:
- Như trên;
- CT, PCT UBND huyện;
- CVP, PCVP;
- Phòng KHTC;
- Phòng GDĐT;
- Lưu: VT.

KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

Nguyễn Văn Bảy

UBND HUYỆN MINH LONG

TỔNG HỢP KINH PHÍ NSNN HỖ TRỢ THỰC HIỆN CÁC CHẾ ĐỘ CHÍNH SÁCH HSSV VÙNG ĐỒNG BÀO DÂN TỘC THIỂU SỐ VÀ MIỀN NÚI

(Kèm theo Báo cáo số 211/BC-UBND ngày 09 /06/2022 của UBND huyện Minh Long)

Đơn vị: tỷ đồng

STT	Nội dung	NHU CẦU 2022			DỰ TOÁN BỐ TRÍ 2022		
		Số đối tượng	Hỗ trợ gạo (tấn)	Kinh phí hỗ trợ (tỷ đồng)	Số đối tượng	Hỗ trợ gạo (tấn)	Kinh phí hỗ trợ (tỷ đồng)
1	Kinh phí NSNN thực hiện chính sách miễn. giảm học phí, hỗ trợ chi phí học tập, hỗ trợ tiền đóng học phí tại Nghị định 81/2021/NĐ-CP	2.046		2,687	2.046	2,687	2,687
2	Chính sách hỗ trợ tiền ăn trưa đối với trẻ em mẫu giáo và chính sách đối với giáo viên mầm non theo Nghị định số 105/2020/NĐ-CP ngày 8/9/2020 của Chính phủ	539		1,086	2.046	539	1,086
3	Chính sách hỗ trợ học sinh dân tộc nội trú theo Nghị định số 84/2020/NĐ-CP ngày 17/7/2020 của Chính phủ	200		3,36	200		3,360
4	Chính sách hỗ trợ cho học sinh và trường phổ thông ở xã, thôn đặc biệt khó khăn theo Nghị định số 116/2016/NĐ-CP ngày 18/7/2016 của Chính phủ	285	35	1,968	285	35	1,968
	Tổng cộng	**3.070**	**35**	**9**	**4.577**	**576**	**9,10**